TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày: 30-8-2018
V/v: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ông Nguyễn Văn Đời

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 60/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐST- DS ngày 10/8/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Phan Văn V**, sinh năm: 1975; địa chỉ: Phòng 302, chung cư An C, tổ 02, phường Phước M, quận S, thành phố Đà Nẵng.*Có mặt.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn H** - Luật sư, Văn phòng luật sư T, thuộc đoàn luật sư TP Đà Nẵng; địa chỉ: Tổ 31 Quang C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH H**; địa chỉ: Số 42 Nguyễn Công T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hàn Thị T, sinh năm 1965 - Giám đốc. *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Hàn Thị T**, sinh năm 1965. *Vắng mặt.*

Ông **Lê Đình T**, sinh năm 1959. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Số 42 Nguyễn Công T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 29/5/2018; bản tự khai ngày 01/6/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Văn V trình bày:*

Trước đây tôi là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong một vụ án kinh doanh thương mại, đứng ra dùng tài sản của mình là nhà và đất ở tại tổ 01 phường P, quận S để thế chấp cho khoản nợ vay của Công ty TNHH H với số tiền 1.800.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty không trả được nợ nên Ngân hàng khởi kiện Công ty. Do Công ty không thanh toán cho ngân hàng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 09/11/2017 là 2.250.200.000 đồng nên tôi là người thế chấp tài sản để đảm bảo cho số nợ của Công ty, tôi đã đứng ra trả số tiền trên cho ngân hàng. Giữa Công ty và Ngân hàng đã giải quyết xong khoản nợ như trên. Còn về phía Công ty phải có trách nhiệm trả lại khoản tiền trên cho tôi. Tuy nhiên từ thời gian đó đến nay, Công ty chưa thanh toán lại cho tôi mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu trả cho tôi số tiền trên nhưng Công ty vẫn không trả. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H phải thanh toán lại cho tôi số tiền 2.250.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 550.000.000 đồng, do số tiền này là tiền tôi đã nhận tiền cọc chuyển nhượng nhà và đất tại tổ 1A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Số tiền còn lại 1.700.200.000 đồng. Yêu cầu Công ty TNHH H phải trả dứt điểm cho tôi.

Tại phiên tòa hôm nay,bị đơn vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 08/6/2018; ngày 12/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện bị đơn bà Hàn Thị T trình bày:

Tôi xác nhận trước đây Công ty có dùng tài sản của ông Phan Văn V để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP X Việt Nam – Chi nhánh Q. Tuy nhiên do Công ty làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên

Ngân hàng khởi kiện Công ty. Ông Phan Văn V đã tự nguyện trả nợ thay cho Công ty với số tiền 2.250.200.000 đồng. Nay ông V khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả lại cho ông số tiền trên thì tôi xin trình bày như sau:

Trước đây ông V có nhu cầu bán đất và tôi là người đại diện mua đất cho ông bà người Hà Nội. Sau khi thỏa thuận mua bán thì tôi có đặt cọc cho ông V số tiền 550.000.000 đồng. Lúc đó, ông V có bán cho tôi 150m^2 đất giá 1.500.000.000 đồng, nhưng do thời gian quá lâu không làm sổ được nên tôi và ông V làm sổ không thành, ông V có nhờ tôi tìm chỗ nào để vay, tôi có về nói lại chồng tôi và chồng tôi đồng ý đứng ra vay với số tiền 1.800.000.000 đồng, từ khi tôi biết được bên Ngân hàng không cho vay thì ông V đã thương lượng với tôi để tôi cho ông V mượn thêm số tiền về làm ăn, sau khi vay xong sẽ tính toán lại. Ngày 27/8/2015, ông V mượn 500.000.000 đồng; ngày 21/3/2011 ông V mượn 500.000.000 đồng; ngày 14/4 (AL) ông V mượn 300.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần ông V đến nhà tôi lấy tiền là: 1.300.000.000 đồng, cộng thêm tiền nhận đặt cọc 550.000.000 đồng nữa là 1.800.000.000 đồng, Ngoài ra, tôi còn phải đứng ra trả tiền lãi cho Ngân hàng từ khi vay giúp cho ông V. Tôi cũng muốn hai bên giải quyết mọi việc được suông sẻ và không ai bị thiệt thòi nên không yêu cầu phản tố đối với số tiền 1.800.000.000 đồng. Nếu ông V không cấn trừ trong vụ án này thì sau này tôi sẽ khởi kiện bằng một V kiện dân sự khác. Nay ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 550.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.700.200.000 đồng tôi không có ý kiến gì nhưng do Công ty đang gặp khó khăn về kinh tế nên không thể thanh toán số tiền này ngay cho ông V được nên đề nghị được thanh toán dứt điểm vào ngày 05/12/2018.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị T vắng mặt nhưng bản tự khai ngày 08/6/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Hàn Thị T trình bày:

Việc ông Phan Văn V có trả nợ thay số tiền 2.250.200.000 đồng cho Công ty TNHH H là có thật, tuy nhiên cần đối chiếu lại số tiền hiện nay Công ty còn nợ ông V.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu độc lập.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền giữa nguyên đơn ông Phan Văn V với bị đơn Công ty TNHH H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị T và ông Lê Đình T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Công ty TNHH H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị T và ông Lê Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

Trong một vụ án đã được giải quyết trước đây, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn V đã dùng tài sản của mình là nhà và đất ở tại tổ 01 phường P, quận S để thế chấp cho Ngân hàng TMCP X Việt Nam – Chi nhánh Q để đảm bảo cho khoản nợ vay của Công ty TNHH H với số tiền 1.800.000.000 đồng. Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi nên Ngân hàng khởi kiện Công ty, tính đến ngày 09/11/2017 là 2.250.200.000 đồng. Do Công ty không trả được nợ nên ông V đã đứng ra trả nợ thay cho Ngân hàng. Giữa Công ty và Ngân hàng đã giải quyết xong khoản nợ trên. Còn về phía Công ty phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho ông V. Tuy nhiên từ thời gian đó đến nay, Công ty chưa thanh toán lại cho V nên ông V khởi kiện yêu cầu Công ty

TNHH H phải thanh toán lại cho ông số tiền 2.250.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, ông V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 550.000.000 đồng. Số tiền còn lại 1.700.200.000 đồng, yêu cầu Công ty TNHH H phải trả dứt điểm cho ông. Xét thấy, việc thay đổi và rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, HĐXX căn cứ Điều 244 BLTTDS 2015 để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

Về phía bị đơn – đại diện theo pháp luật bà Hàn Thị T xác nhận ông V có tự nguyện trả nợ thay cho Công ty số tiền 2.250.200.000 đồng, tuy nhiên trong thời gian qua, ông V nhiều lần mượn của Công ty với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng, nên đại diện cho Công ty bà mong muốn giữa bà và ông V đối chiếu lại khoản tiền mượn này và không yêu cầu phản tố, đồng thời sẽ khởi kiện ông V đối với số tiền 1.300.000.000 đồng bằng một vụ kiện dân sự khác. Nay ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 550.000.000 đồng. Số tiền còn lại 1.700.200.000 đồng Công ty sẽ trả vào ngày 05/12/2018.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị T cũng đã xác nhận ông Phan Văn V có trả nợ thay số tiền 2.250.200.000 đồng cho Công ty TNHH H.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn ông Phan Văn V với bị đơn Công ty TNHH H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị T và ông Lê Đình T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Ngày 09/11/2017, ông Phan Văn V có trả nợ thay cho Công ty với số tiền 2.250.200.000 đồng. Sau thời gian này phía Công ty chưa thanh toán lại số tiền trên cho ông V nên ông V khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án ông V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 550.000.000 đồng do vào ngày 21/3/2011, ông V có nhận của bà Hàn Thị T tiền cọc chuyển nhượng nhà và đất tại tổ 1A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Số tiền còn lại 1.700.200.000 đồng buộc Công ty phải trả dứt điểm một lần. HĐXX xét thấy, Công ty TNHH H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc khởi kiện của ông V yêu cầu Tòa án buộc ông Công ty TNHH H phải trả số tiền còn nợ trên là có căn

cứ, phù hợp với Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Còn về phía Công ty TNHH H xin trả số tiền trên vào ngày 05/12/2018 nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận nên không thể thỏa mãn yêu cầu của Công ty được.

[3.2]. Đối với Công ty TNHH H muốn thỏa thuận cấn trừ nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.300.000.000 đồng đối với ông Phan Văn V nhưng không có yêu cầu phản tố trong vụ án mà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nên HĐXX không đề cập đến.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là ông Phan Văn V được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền Công ty TNHH H phải chịu là:

{1.700.200.000đ = (36.000.000đ + 3% (27.006.000đ)} = 63.006.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Văn V số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* của ông Phan Văn V đối với Công ty TNHH H.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH H phải trả cho ông Phan Văn V số tiền 1.700.200.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm triệu hai trăm ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS- ST: 63.006.000 đồng *(Sáu mươi ba triệu không trăm lẻ sáu ngàn đồng)* Công ty TNHH H phải chịu.

Hoàn trả cho ông Phan Văn V số tiền 38.502.000 đồng *(Ba mươi tám triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8759 ngày 01/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh